TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/DS-ST
Ngày 04-5-2026
V/v Tranh chấp về hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ .

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026, về việc tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 133/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1969; địa chỉ: A H, phường B, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1978; địa chỉ: E T, khu V, phường A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

2. Ông Trần Minh N, sinh năm 1971; địa chỉ: E T, khu V, phường A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà và vợ chồng bà Nguyễn Thị C, ông Trần Minh N có quan hệ làm ăn mua bán với nhau trong thời gian dài. Bà T bán gạo cho vợ chồng bà C, ông N, hai bên thỏa thuận việc mua bán được ghi chép bằng sổ nợ và phía bà C, ông N có nghĩa vụ thanh toán lại tiền cho bà. Trong quá trình giao dịch, do tin tưởng nhau nên bà

có tạo điều kiện cho vợ chồng bà C, ông N thanh toán dần. Đến nay, số tiền mua bán gạo mà vợ chồng bà Nguyễn Thị C, ông Trần Minh N chưa thanh toán là 382.365.000 đồng. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị C còn vay mượn của bà T số tiền 10.000.000 đồng để góp hụi. Tổng cộng, vợ chồng bà C, ông N còn nợ bà số tiền 392.365.000 đồng.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025 (âm lịch), các bên có lập giấy xác nhận nợ, trong đó bà Nguyễn Thị C và ông Trần Minh N xác nhận còn nợ bà T toàn bộ số tiền nêu trên và cam kết thời hạn thanh toán là ngày 13 tháng 8 năm 2025 (âm lịch). Tuy nhiên, khi đến hạn, vợ chồng bà C, ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà T đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nhưng không đạt kết quả.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Minh N phải trả cho bà số tiền 392.365.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Quá trình hòa giải, bà T rút yêu cầu trả nợ vay, chỉ yêu cầu trả nợ mua bán. Tại phiên tòa, bà T không yêu cầu tính lãi chậm trả, chỉ yêu cầu trả số tiền gốc.

Theo bản khai ngày 27 tháng 3 năm 2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà quen biết bà Nguyễn Thị Kim T thông qua việc mua bán gạo, bà T bán gạo cho bà để kinh doanh quán cơm. Trước năm 2017, bà đã thanh toán đầy đủ tiền mua bán cho bà T. Tuy nhiên, từ năm 2017, do bà bị bệnh nặng, phải điều trị trong thời gian dài nên kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, không có khả năng tiếp tục thanh toán nợ.

Bà xác nhận số tiền nợ mua bán gạo với bà T là 382.365.000 đồng. Đối với khoản tiền vay 10.000.000 đồng, bà đã trả được 6.000.000 đồng, hiện còn nợ 4.000.000 đồng. Tổng số tiền bà và chồng là ông Trần Minh N còn nợ bà T là 386.365.000 đồng.

Bà thừa nhận có ký giấy xác nhận nợ ngày 13 tháng 6 năm 2025 với nội dung còn nợ bà T số tiền như trên. Tuy nhiên, do hiện nay bà đang mắc bệnh hiểm nghèo, sức khỏe yếu, kinh tế gia đình khó khăn nên không có khả năng trả nợ một lần theo yêu cầu của bà T.

Do đó, bà đề nghị được trả nợ dần hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho bà T cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Minh N trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị C về quan hệ mua bán cũng như vay mượn như bà C trình bày. Bà T yêu cầu trả nợ, ông xin trả nợ dần vì hiện nay kinh tế của vợ chồng ông gặp nhiều khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Minh N trả tiền nợ phát sinh từ quan hệ mua bán hàng hóa và vay tài sản, nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị C và ông Trần Minh N cư trú tại phường A, tỉnh Gia Lai nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay 10.000.000 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả khoản tiền vay nêu trên.

[4] Xét yêu cầu trả nợ mua bán của bà Nguyễn Thị Kim T, Hội đồng xét xử thấy rằng, các đương sự thống nhất giữa bà T và vợ chồng bà C, ông N có quan hệ mua bán gạo với nhau trong thời gian dài. Đến ngày 13 tháng 6 năm 2025 (âm lịch), các bên có lập giấy xác nhận nợ, trong đó bà Nguyễn Thị C và ông Trần Minh N xác nhận còn nợ bà T số tiền 382.365.000 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vợ chồng bà C, ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên áp dụng Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự, buộc vợ chồng bà C, ông N cho bà T số tiền 382.365.000 đồng. Bà C, ông N yêu cầu trả nợ dần nhưng bà T không đồng ý nên vợ chồng bà C, ông N phải trả một lần số nợ này cho bà T.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, bà T có yêu cầu tính lãi chậm trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà T không yêu cầu tiền lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, vợ chồng bà Nguyễn Thị C, ông Trần Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 382.365.000 đồng × 5% = 19.118.250 đồng, làm tròn thành 19.118.000 đồng. Vì toàn bộ yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội;

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Minh N phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 382.365.000 (ba trăm tám mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T về việc buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Minh N trả khoản tiền vay 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị C và ông Trần Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 19.118.000 (mười chín triệu, một trăm mười tám nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim T 9.810.000 (chín triệu, tám trăm mười nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000254 ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 2 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên